TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1114/2017/DS-PT
Ngày 11 - 12 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử ph úc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh

Các Thẩm phán: Bà Đặng Huyền Phương

Ông Nguyễn Chí Sang

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Duy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, tại Phòng xử án dân sự - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 506/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 369/2017/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2469/2017/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 6510/2017/QĐ-PT ngày 29/11/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Bùi Thị A**, sinh năm 1957;
Địa chỉ: đường G, Khu phố H, phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: **Bà Bùi Thị B**, sinh năm 1960;
Địa chỉ: đường G, Khu phố H, phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bà Bùi Thị A – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Bùi Thị A trình bày: Bà và bà Bùi Thị B là chị em ruột. Vào tháng 12 năm 2011, bà có cho bà B mượn khoản tiền 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng), khi mượn không viết giấy vay tiền nhưng có bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn D chứng kiến việc bà đưa tiền cho bà B. Sau khi mượn, bà B có trả cho bà 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), còn lại 10.000.000đ (mười triệu đồng) bà B không trả và không thừa nhận nợ. Vào tháng 11 năm 2015, bà khởi kiện bà B tại Tòa án nhân dân quận K để yêu cầu giải quyết, quá trình làm việc tại Tòa án bà B đã thừa nhận thiếu nợ của bà 10.000.000đ (mười triệu đồng), ngoài ra bà B còn thiếu bà 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) chi phí viện phí, tổng cộng là 10.500.000đ (mười triệu năm trăm ngàn đồng); sau đó bà rút yêu cầu về số tiền chi phí viện phí này. Nay bà kiện yêu cầu bà B phải trả cho bà số tiền nợ là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Bị đơn là bà Bùi Thị B vắng mặt trong quá trình tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án nhưng có văn bản gửi Tòa án vào các ngày 10/12/2016, 13/12/2016, 04/8/2017, nội dung trình bày không rõ ràng và không thừa nhận nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà A.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 369/2017/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 138/2017/QĐ-SCBSBA ngày 22/10/2017 của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử như sau:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Buộc bà Bùi Thị B có trách nhiệm trả bà Bùi Thị A số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị A phải chịu 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014270 ngày 08/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, bà A phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 21/9/2017, nguyên đơn là bà Bùi Thị A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà B phải trả cho bà 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Bị đơn có đơn xin vắng mặt. Nguyên đơn là bà Bùi Thị A trình bày yêu cầu kháng cáo như sau: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc bà Bùi Thị B phải trả cho bà số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ông Huỳnh Duy Dũng – Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà A làm trong thời hạn luật định, nên chấp nhận.

Về nội dung: Căn cứ biên bản hòa giải ngày 09/03/2016 của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh thì hợp đồng tặng cho tài sản với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) giữa bà A và bà B đã hoàn thành, nên kháng cáo của bà A là không có căn cứ chấp nhận. Với các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Ngày 11/9/2017, Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án, bà Bùi Thị A có mặt tại phiên tòa. Ngày 21/9/2017 bà A nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bà A được nộp trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, hợp lệ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Bùi Thị A không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại cấp sơ thẩm để xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Bị đơn là bà Bùi Thị B có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - bà Bùi Thị A về việc yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Bùi Thị B trả cho bà số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo đơn khởi kiện của bà, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn – bà Bùi Thị A, lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn D thì, bà Bùi Thị B có mượn tiền của bà A vào khoảng tháng 12 năm 2011. Hai bên không lập giấy vay tiền, nhưng theo bà A và lời chứng của bà Nguyễn Thị C thì số tiền mượn là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng). Bà B trả dần cho bà A đến cuối năm 2012 thì trả được 10.000.000đ (mười triệu đồng). Do không trả tiếp nên năm 2015 bà A kiện bà B yêu cầu trả số

tiền còn thiếu nói trên; đồng thời yêu cầu bà B trả thêm một khoản nợ khác mà bà A đưa cho bà B để chữa bệnh cho bà Bùi Ngọc E (chị ruột của bà A và bà B); tổng cộng hai khoản bà A yêu cầu bà B trả số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Tại biên bản hòa giải ngày 09/03/2016 của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 344/2015/TLST-DS ngày 05/11/2015), bà B thừa nhận có mượn của bà A số tiền 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng), bà đã trả dần và còn thiếu lại bà A 10.000.000đ (mười triệu đồng), bà không có khả năng trả nên xin bà A cho bà không trả khoản này; bà chỉ đồng ý trả bà B số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) là ½ chi phí chữa bệnh cho bà Bùi Ngọc E.

Xét, quan hệ vay tiền giữa bà A và bà B không lập giấy vay mà chỉ có người làm chứng xác nhận, nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu,……mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Như vậy, lời khai của bà B tại biên bản hòa giải ngày 09/03/2016 nói trên là căn cứ xác định bà B còn nợ bà A số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), bà A không phải chứng minh việc bà B nợ mình số tiền này. Tại các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, bà B không thừa nhận khoản nợ này của bà A là không có căn cứ.

Tuy nhiên, cũng tại biên bản hòa giải ngày 09/03/2016 nói trên, sau lời khai của bà B thì bà A trình bày: "*Tôi đồng ý để bà B trả nợ số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng như ý kiến của bà B trình bày, số nợ 10.000.000 (Mười triệu) đồng tôi đồng ý cho bà B*". Xét, mặc dù nội dung này không được ghi nhận vào biên bản hòa giải thành ngày 09/03/2016 cũng như Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 122/2016/QĐST-DS ngày 17/03/2016 của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng từ lời khai trên của bà A có thể khẳng định giữa bà A và bà B đã hình thành quan hệ dân sự về hợp đồng tặng cho tài sản. Theo đó, bà A đồng ý cho bà B 10.000.000đ (mười triệu đồng) mà không yêu cầu đền bù, còn bà B thì đồng ý nhận và thực tế bà B đã nhận số tiền này, nên quan hệ tặng cho tài sản phù hợp quy định tại Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2005. Về hình thức, luật không quy định hợp đồng tặng cho động sản phải lập thành văn bản, có công chứng, chứng thực hay phải đăng ký, nên việc tặng cho số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) giữa bà A và bà B đã có hiệu lực kể từ thời điểm các bên thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 09/03/2016 của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, việc bà A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà B trả cho bà 10.000.000đ (mười triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa.

Án phí dân sự phúc thẩm, do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Bùi Thị A phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà A đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đính kèm danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - bà Bùi Thị A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Bùi Thị A về việc: Buộc bà Bùi Thị B có trách nhiệm trả bà Bùi Thị A số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị A phải chịu 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà A đã nộp là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0014270 ngày 08/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Bùi Thị A phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà bà A đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0037292 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận K, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T/20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Ánh